

TẬP ĐOÀN  
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG  
VIỆT NAM  
**BỆNH VIỆN BUU ĐIỆN**  
Số: 2528/BVBD-KD&ĐT  
V/v: Yêu cầu báo giá TBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bru điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự án “Mua sắm thiết bị bổ sung cho các khoa năm 2025” với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bru điện - Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Phòng Văn thư – Bệnh viện Bru điện

Địa chỉ: Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 024.32252841

Email: phongkddt@benhvienbuudien.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện Bru điện - Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

Đồng thời gửi bản Báo giá scan qua email: phongkddt@benhvienbuudien.vn.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09 h 00 ngày 12 tháng 9 năm 2025 đến trước 16 h 30 ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2025.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

| STT | Danh mục                                | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng/ khối lượng | Đơn vị tính | Đơn vị sử dụng                                          |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------|---------------------------------------------------------|
| 1   | Bình chứa Nitơ trữ mẫu                  | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 01                   | Cái         | Trung tâm TBG&DT                                        |
| 2   | Máy cắt tiêu bản lạnh                   | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 01                   | Hệ thống    | Khoa Xét nghiệm 1                                       |
| 3   | Bàn sấy tiêu bản                        | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 01                   | Cái         | Khoa Xét nghiệm 1                                       |
| 4   | Dao mổ siêu âm                          | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 02                   | Hệ thống    | Khoa Gây mê hồi sức: 01 HT<br>Khoa Gây mê - HSCC: 01 HT |
| 5   | Máy laser CO2                           | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 01                   | Cái         | Khoa Nội 2                                              |
| 6   | Giường bệnh Hồi sức cấp cứu             | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 09                   | Cái         | Khoa Hồi sức cấp cứu                                    |
| 7   | Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số   | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 02                   | Cái         | Khoa Ngoại Tiết niệu                                    |
| 8   | Đầu dò siêu âm trực tràng hai bình diện | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 01                   | Cái         | Khoa Chẩn đoán hình ảnh                                 |
| 9   | Máy phân tích sỏi                       | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 01                   | Hệ thống    | Khoa Xét nghiệm 2                                       |
| 10  | Bàn mổ đa năng                          | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 01                   | Cái         | Khoa Gây mê hồi sức                                     |
| 11  | Máy đo nhãn áp không tiếp xúc           | Phụ lục 01 đính kèm                                                                  | 01                   | Cái         | Khoa Khám bệnh 2                                        |

2. Mẫu Báo giá: Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, P. KD&ĐT.



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thanh Tú

**PHỤ LỤC 01**  
**CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC THIẾT BỊ**  
(Kèm theo công văn số: 2528/BVBD-KD&ĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025)

|           |                                                                                                                                    |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>BÌNH CHỨA NITƠ TRỮ MẪU</b>                                                                                                      |
| <b>1.</b> | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                                                               |
|           | - Hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau                                                                                      |
|           | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                                                                                |
|           | - Yêu cầu xuất xứ (Bình trữ mẫu): các nước thuộc nhóm G7                                                                           |
| <b>2.</b> | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                                                            |
|           | - Bình lưu trữ mẫu nitơ (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 cái                                                                          |
|           | Tối thiểu đã bao gồm:                                                                                                              |
|           | - Bộ phận mềm điều khiển: 01 Bộ                                                                                                    |
|           | - Thước đo nitơ lỏng: 01 cái                                                                                                       |
|           | - Dây chuyển nitơ lỏng: 01 cái                                                                                                     |
|           | - Hộp bảo vệ túi lưu trữ mẫu: 200 cái                                                                                              |
|           | - Hộp đựng ống mẫu lưu trữ: 80 cái                                                                                                 |
|           | - Kiểm soát mức Nitơ: 01 Bộ                                                                                                        |
|           | - Cảm biến nhiệt độ: 01 Bộ                                                                                                         |
|           | - Giá đỡ các tầng cho hộp chứa túi lưu trữ: 25 cái                                                                                 |
|           | - Giá đỡ các tầng cho hộp chứa ống mẫu: 5 cái                                                                                      |
| <b>3.</b> | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                                                            |
|           | - Ứng dụng tối thiểu: Lưu trữ máu cuống rốn, tế bào gốc, các mô, thụ tinh nhân tạo (IVF) đạt đến nhiệt độ tối đa: $\leq -190$ độ C |
|           | - Dung tích bình chứa Nitơ lỏng tối đa: $\geq 790$ lít                                                                             |
|           | - Đường kính ngoài: 110cm ( $\pm \leq 10\%$ )                                                                                      |
|           | - Đường kính nắp bình: 45 cm ( $\pm \leq 5$ cm)                                                                                    |
|           | - Bình có cấu trúc 2 lớp, giữa 2 lớp thành bình có lớp chân không cách nhiệt                                                       |
|           | - Chất liệu bình làm bằng thép không gỉ hoặc tốt hơn                                                                               |
|           | - Giá đỡ các tầng cho hộp chứa túi lưu trữ được làm bằng chất liệu thép không gỉ                                                   |
|           | - Giá đỡ các tầng cho hộp chứa ống mẫu làm bằng chất liệu thép không gỉ                                                            |
|           | - Kích thước túi máu lưu trữ tối thiểu: $\geq 4$ loại túi                                                                          |
|           | - Lưu trữ ống mẫu: $\geq 40.000$ ống hoặc túi máu tối đa: $\geq 2000$ túi (loại túi 25ml)                                          |
|           | - Có bậc thang hỗ trợ lấy mẫu                                                                                                      |
|           | - Tự động đo và kiểm soát mức Nitơ lỏng.                                                                                           |
|           | - Tự động cấp Nitơ lỏng qua van điện từ                                                                                            |
|           | - Màn hình LCD, hiển thị thông tin tối thiểu có: mức nitơ, nhiệt độ, cảnh báo lỗi                                                  |
|           | - Có chức năng, theo dõi báo động từ xa: mức nitơ, nhiệt độ.                                                                       |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                                                          |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 2, Bệnh viện Bưu điện.                                                                             |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                                                           |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                                                     |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                                                    |
|           | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng.                                   |
|           | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.                                       |
|           | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                                                          |

|           |                                                                                   |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|           | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                              |
| <b>II</b> | <b>MÁY CẮT TIÊU BẢN LẠNH</b>                                                      |
| <b>1.</b> | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                              |
|           | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                         |
|           | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                               |
|           | - Hàng hóa có chứng nhận CE hoặc FDA                                              |
|           | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                  |
|           | - Môi trường hoạt động:                                                           |
|           | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 25$ độ C                                                 |
|           | + Độ ẩm tối đa: $\geq 60\%$                                                       |
| <b>2.</b> | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                           |
|           | - Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 cái                                     |
|           | <i>Tối thiểu đã bao gồm:</i>                                                      |
|           | - Gá dùng cho lưỡi dao dùng 1 lần: 01 Cái                                         |
|           | - Lưỡi dao dùng 1 lần (50 chiếc/hộp): 01 hộp                                      |
|           | - Bộ định hướng/di chuyển mẫu: 01 Bộ                                              |
|           | - Bộ phận kiểm soát nhiệt độ mẫu vật cắt: 01 bộ                                   |
|           | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ                         |
| <b>3.</b> | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                           |
|           | <b>* Buồng làm lạnh</b>                                                           |
|           | - Nhiệt độ buồng làm lạnh tối đa: $\leq -25$ độ C                                 |
|           | - Khu vực lưu trữ/chuẩn bị mẫu: $\geq 15$ vị trí                                  |
|           | - Nhiệt độ gá giữ dao: $\leq -25$ độ C                                            |
|           | - Điều khiển nhiệt độ gá kẹp mẫu vật tối đa: $\leq -40$ độ C                      |
|           | - Buồng làm lạnh bằng thép không gỉ hoặc tốt hơn                                  |
|           | - Có vị trí làm lạnh nhanh, nhiệt độ tối thiểu $\leq -50$ độ C                    |
|           | <b>* Bộ phận cắt mẫu</b>                                                          |
|           | - Khoảng di chuyển mẫu theo chiều dọc: $\geq 50$ mm                               |
|           | - Khoảng dẫn tiến mẫu theo chiều ngang: $\geq 25$ mm                              |
|           | - Có chức năng chỉnh nghiêng/xoay mẫu $\geq 8$ độ                                 |
|           | - Độ dày lát cắt điều chỉnh được: từ $\leq 1\mu\text{m}$ đến $\geq 95\mu\text{m}$ |
|           | - Có $\geq 4$ bước điều chỉnh độ dày lát cắt                                      |
|           | - Độ dày gọt mẫu điều chỉnh được: từ $\leq 10$ đến $\geq 95\mu\text{m}$           |
|           | <b>* Các tính năng, chức năng</b>                                                 |
|           | - Có chức năng khóa tay quay                                                      |
|           | - Có thanh bảo vệ lưỡi dao đảm bảo an toàn cho người sử dụng                      |
|           | - Màn hình cảm ứng LCD hoặc tương đương                                           |
|           | - Có chức năng rã đông tự động và thủ công                                        |
|           | - Có khử trùng bằng phun sương hóa chất hoặc ozone                                |
|           | - Máy cắt tiêu bản lạnh: loại cắt thủ công                                        |
|           | - Có bộ phận chống cuộn mẫu.                                                      |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                         |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 1, Bệnh viện Bưu điện.                            |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.          |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực    |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                   |

*Handwritten signature*

|            |                                                                                                  |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng. |
|            | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.     |
|            | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                        |
|            | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                             |
| <b>III</b> | <b>BÀN SẤY TIÊU BẢN</b>                                                                          |
| <b>1.</b>  | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                             |
|            | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                                        |
|            | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc tương đương                              |
|            | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                                 |
|            | - Môi trường hoạt động:                                                                          |
|            | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30$ độ C                                                                |
|            | + Độ ẩm tối đa: $\geq 70$ %                                                                      |
| <b>2.</b>  | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                          |
|            | - Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 cái                                                    |
|            | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ                                        |
| <b>3.</b>  | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                          |
|            | - Ứng dụng: làm khô tiêu bản trong lĩnh vực huyết học và mô bệnh học                             |
|            | - Công suất sấy tối đa: $\geq 60$ tiêu bản/lần sấy                                               |
|            | - Mặt bàn sấy phẳng, kích thước: $\geq 300 \times 450$ mm                                        |
|            | - Điều khiển nhiệt độ tối đa $\geq 60$ độ C                                                      |
|            | - Có bộ bảo vệ quá nhiệt                                                                         |
| <b>4.</b>  | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                        |
|            | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 1, Bệnh viện Bưu điện.                                           |
|            | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                         |
|            | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                   |
|            | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                  |
|            | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng. |
|            | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.     |
|            | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                        |
|            | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                             |
| <b>IV</b>  | <b>DAO MỔ SIÊU ÂM</b>                                                                            |
| <b>1.</b>  | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                             |
|            | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                                        |
|            | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                                              |
|            | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                                 |
|            | - Môi trường hoạt động:                                                                          |
|            | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 25$ độ C                                                                |
|            | + Độ ẩm tối đa: $\geq 70$ %                                                                      |
| <b>2.</b>  | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                          |
|            | - Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 Cái                                                    |
|            | Tối thiểu đã bao gồm:                                                                            |
|            | - Bàn đạp chân: 01 Cái                                                                           |
|            | - Dây dao dùng cho Tay dao mổ nội soi, dùng nhiều lần: 01 Cái                                    |

*Handwritten signature*

|           |                                                                                                  |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | - Dây dao dùng cho Tay dao mổ mở, dùng nhiều lần: 01 Cái                                         |
|           | - Tay dao mổ siêu âm mổ nội soi, dùng một lần: 02 Cái                                            |
|           | - Tay dao mổ siêu âm mổ mở, dùng một lần: 02 Cái                                                 |
|           | - Xe đẩy: 01 Cái                                                                                 |
|           | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ                                        |
| <b>3.</b> | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                          |
|           | - Ứng dụng: dùng năng lượng siêu âm để cắt và hàn mạch dùng cho các mô mềm.                      |
|           | - Chế độ phẫu thuật: Có tối thiểu 2 chế độ mổ mở và nội soi.                                     |
|           | - Công suất đầu ra tối đa: $\geq 30$ W                                                           |
|           | - Tần số làm việc: 55 kHz ( $\pm 1$ kHz)                                                         |
|           | - Có chức năng tự động kiểm tra.                                                                 |
|           | - Màn hình LCD: $\geq 5$ inches                                                                  |
|           | - Có cảnh báo bằng âm thanh về tình trạng/điều kiện làm việc của dao mổ.                         |
|           | - Biên độ dao động lưỡi dao: từ $\leq 65$ đến $\geq 95$ $\mu$ m                                  |
|           | - Dây dao dùng cho tay dao mổ nội soi                                                            |
|           | + Tương thích với máy chính, tay dao mổ nội soi các cỡ                                           |
|           | + Số lần sử dụng tối đa: $\geq 100$ lần.                                                         |
|           | - Dây dao dùng cho tay dao mổ mở                                                                 |
|           | + Tương thích với máy chính, tay dao mổ mở các cỡ                                                |
|           | + Số lần sử dụng tối đa: $\geq 100$ lần.                                                         |
|           | - Tay dao mổ nội soi                                                                             |
|           | + Tương thích với máy chính và dây dao.                                                          |
|           | + Tay cầm có nút điều chỉnh năng lượng tối thiểu và tối đa.                                      |
|           | + Đường kính: 5mm, chiều dài: 13 cm ( $\pm 1$ cm).                                               |
|           | + Đường kính: 5mm, chiều dài: 22 cm( $\pm 1$ cm).                                                |
|           | - Tay dao mổ mở                                                                                  |
|           | + Tương thích với máy phát và dây dao phù hợp.                                                   |
|           | + Tay cầm có nút điều chỉnh năng lượng tối thiểu và tối đa                                       |
|           | + Chiều dài tay dao loại: $\geq 9$ cm                                                            |
|           | + Chiều dài tay dao loại: $\geq 16$ cm                                                           |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                        |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 1, cơ sở 2, Bệnh viện Bưu điện.                                  |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                         |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                   |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                  |
|           | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng. |
|           | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.     |
|           | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                        |
|           | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                             |
| <b>V</b>  | <b>MÁY LASER CO2</b>                                                                             |
| <b>1.</b> | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                             |
|           | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                                        |
|           | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                                              |
|           | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                                 |
|           | - Môi trường hoạt động:                                                                          |

|           |                                                                                                  |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30$ độ C                                                                |
|           | + Độ ẩm tối đa: $\geq 70$ %                                                                      |
| <b>2.</b> | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                          |
|           | - Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 cái                                                    |
|           | <i>Tối thiểu đã bao gồm:</i>                                                                     |
|           | - Bộ trục khuỷu: 01 Bộ                                                                           |
|           | - Bàn đạp: 01 cái                                                                                |
|           | - Đầu điều trị : 02 cái                                                                          |
|           | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/tiếng Việt: 01 bộ                                         |
| <b>3.</b> | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                          |
|           | - Ứng dụng trong các chuyên khoa: Da liễu, phụ khoa, tai mũi họng, thẩm mỹ.                      |
|           | - Loại Laser: Carbon Dioxide Laser/ CO2 Glass hoặc tương đương.                                  |
|           | - Bước sóng Laser: 10.600 nm ( $\pm \leq 20$ nm)                                                 |
|           | - Chế độ hoạt động tối thiểu bao gồm: Liên tục, xung                                             |
|           | - Công suất tối đa $\geq 30$ W, điều chỉnh được.                                                 |
|           | - Độ dài xung phát điều chỉnh tối đa: $\geq 450$ ms                                              |
|           | - Tia dẫn đường Laser màu đỏ                                                                     |
|           | - Điều khiển phát tia Laser: bàn đạp                                                             |
|           | - Màn hình hiển thị LCD hoặc tương đương                                                         |
|           | - Cơ chế làm mát: bằng nước hoặc tương đương                                                     |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                        |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 2, Bệnh viện Bưu điện.                                           |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                         |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                   |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                  |
|           | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng. |
|           | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.     |
|           | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                        |
|           | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                             |
| <b>VI</b> | <b>GIƯỜNG BỆNH HỒI SỨC CẤP CỨU</b>                                                               |
| <b>1.</b> | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                             |
|           | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                                        |
|           | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                                              |
|           | - Hàng hóa có chứng nhận CE hoặc FDA                                                             |
|           | - Yêu cầu về xuất xứ (Giường bệnh): Các nước thuộc EU hoặc G7                                    |
|           | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                                 |
|           | - Môi trường hoạt động:                                                                          |
|           | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30$ độ C                                                                |
|           | + Độ ẩm tối đa: $\geq 70$ %                                                                      |
| <b>2.</b> | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                          |
|           | - Thân giường (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 cái                                                  |
|           | <i>Tối thiểu đã bao gồm:</i>                                                                     |
|           | - Tay vịn (thanh chắn) hai bên: 02 cái                                                           |
|           | - Tấm đầu/chân giường: 02 cái                                                                    |

|           |                                                                                                                                                            |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | - Bộ điều khiển gắn thành: 01 bộ                                                                                                                           |
|           | - Bộ điều khiển cầm tay: 01 bộ                                                                                                                             |
|           | - Đệm: 01 chiếc                                                                                                                                            |
|           | - Cọc truyền: 01 chiếc                                                                                                                                     |
|           | - Ấc quy dự phòng: 01 bộ                                                                                                                                   |
|           | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ                                                                                                  |
| <b>3.</b> | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                                                                                    |
|           | - Giường điều khiển bằng động cơ điện.                                                                                                                     |
|           | - Mặt sàn giường được chia tối thiểu: $\geq 04$ khúc; phần lưng, phần mông, phần đùi, phần chân                                                            |
|           | - Giường có 4 bánh và khóa trung tâm                                                                                                                       |
|           | - Có $\geq 04$ vị trí gắn cọc truyền ở góc giường                                                                                                          |
|           | - Có ắc quy dự phòng trong trường hợp mất điện                                                                                                             |
|           | - Vật liệu:                                                                                                                                                |
|           | + Khung giường làm bằng thép được sơn phủ hoặc tương đương.                                                                                                |
|           | + Sàn giường làm bằng thép được sơn phủ hoặc nhựa PP hoặc tương đương                                                                                      |
|           | + Tấm chắn đầu và chân giường được làm bằng nhựa PP hoặc tương đương, tháo rời được                                                                        |
|           | - Bộ điều khiển điện thực hiện tối thiểu các chức năng:                                                                                                    |
|           | + Có phím chức năng nâng hạ: phần lưng, phần đùi (gối), cao/thấp, dốc ngược/dốc xuôi                                                                       |
|           | + Có phím chức năng (CPR) cho hồi sức tim phổi.                                                                                                            |
|           | + Có phím chức năng đưa giường về tư thế ngồi                                                                                                              |
|           | + Có phím chức năng đưa giường về vị trí cùng 1 mặt phẳng                                                                                                  |
|           | + Có phím chức năng phục hồi sốc (chống sốc) cho bệnh nhân: cho phép đưa đồng thời các phần về vị trí thấp nhất và dốc đầu giường khẩn cấp (Trendelenburg) |
|           | + Điều chỉnh dốc ngược/dốc xuôi: $\geq 15$ độ/ $\leq -15$ độ                                                                                               |
|           | + Điều chỉnh chiều cao giường: từ $\leq 40$ đến $\geq 75$ cm                                                                                               |
|           | + Điều chỉnh phần lưng: từ 0 đến $\geq 60$ độ                                                                                                              |
|           | + Điều chỉnh phần đùi: từ 0 đến $\geq 20$ độ                                                                                                               |
|           | - Đệm:                                                                                                                                                     |
|           | + Chiều dày đệm: $\geq 12$ cm, có tính năng kháng khuẩn, dễ làm vệ sinh                                                                                    |
|           | + Vỏ đệm chống thấm nước (nước tiểu và máu)                                                                                                                |
|           | - Kích thước:                                                                                                                                              |
|           | + Chiều dài giường tổng thể: trong khoảng 190 cm đến 225 cm                                                                                                |
|           | + Chiều rộng giường tổng thể: trong khoảng 90 cm đến 105 cm.                                                                                               |
|           | - Tải trọng tối đa: $\geq 230$ kg                                                                                                                          |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                                                                                  |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 1, Bệnh viện Bưu điện.                                                                                                     |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                                                                                   |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                                                                             |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                                                                            |
|           | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng.                                                           |
|           | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.                                                               |
|           | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                                                                                  |

|            |                                                                                            |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                       |
| <b>VII</b> | <b>MONITOR THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ</b>                                               |
| <b>1</b>   | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                       |
|            | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                                  |
|            | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                                        |
|            | - Yêu cầu Xuất xứ (Máy chính): các nước thuộc nhóm G7                                      |
|            | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                           |
|            | - Môi trường hoạt động:                                                                    |
|            | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30$ độ C                                                          |
|            | + Độ ẩm tối đa: $\geq 70$ %                                                                |
| <b>2</b>   | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                    |
|            | - Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 Cái                                              |
|            | <i>Tối thiểu đã bao gồm:</i>                                                               |
|            | + Cáp đo điện tim 3 dây: 01 cái                                                            |
|            | + Bao đo huyết áp người lớn: 01 cái                                                        |
|            | + Bao đo huyết cho trẻ em: 01 cái                                                          |
|            | + Cáp và đầu đo SPO2 cho người lớn và trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 bộ                      |
|            | + Đầu đo nhiệt độ da sử dụng nhiều lần: 01 cái                                             |
|            | + Giấy in: 05 cuộn                                                                         |
|            | + Gel điện tim: 01 lọ                                                                      |
|            | + Điện cực điện tim: 50 cái                                                                |
|            | + Pin sạc: 01 cái                                                                          |
|            | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ                                |
| <b>3</b>   | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                    |
|            | - Theo dõi, cảnh báo được tối thiểu các thông số: ECG, Nhịp thở, SpO2/mạch, NIBP, nhiệt độ |
|            | - Màn hình: TFT hoặc LCD, kích thước $\geq 12$ inch                                        |
|            | - Độ phân giải: $\geq 800 \times 600$ pixels                                               |
|            | - Có cổng kết nối mạng LAN                                                                 |
|            | - Có giao thức kết nối HL7                                                                 |
|            | - Có chức năng phát hiện loạn nhịp theo dõi đồng thời $\geq 3$ đạo trình.                  |
|            | - Báo động bằng hình ảnh và âm thanh                                                       |
|            | <b>*Thông số điện tim ECG</b>                                                              |
|            | - Số lượng điện cực: $\geq 03$                                                             |
|            | - Có thể thu, hiển thị đồng thời ít nhất 3 tín hiệu điện tim I, II hoặc III                |
|            | - Dải động đầu vào: $\pm \geq 5$ mV                                                        |
|            | - Hệ số chống nhiễu đồng pha: $\geq 90$ dB                                                 |
|            | <b>*Nhịp tim</b>                                                                           |
|            | - Phương pháp đo: trung bình chuyển động hoặc tương đương                                  |
|            | - Dải đo: từ $\leq 20$ đến $\geq 300$ nhịp/phút                                            |
|            | - Sai số: $\pm \leq 2$ nhịp/phút                                                           |
|            | <b>*Phân tích loạn nhịp</b>                                                                |
|            | - Phương pháp phân tích: Phương pháp kết hợp đa mẫu                                        |
|            | - Số kênh: $\geq 2$                                                                        |
|            | <b>*Thông số nhịp thở</b>                                                                  |
|            | - Phương pháp đo: Trở kháng hoặc tương đương                                               |
|            | - Dải đo tối đa: $\geq 150$ nhịp/phút                                                      |
|            | - Sai số: $\pm \leq 2$ nhịp/phút                                                           |

*W*

|             |                                                                                                     |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | - Cảnh báo ngưng thở                                                                                |
|             | <b>*Thông số SPO2</b>                                                                               |
|             | - Dải đo tối đa: 100%                                                                               |
|             | - Dải hiển thị: từ $\leq 70$ đến 100%                                                               |
|             | - Sai số: $\pm \leq 3\%$                                                                            |
|             | <b>*Thông số nhiệt độ</b>                                                                           |
|             | - Số cổng đo nhiệt độ: $\geq 1$                                                                     |
|             | - Dải đo tối đa: $\geq 45$ độ C ( $\pm \leq 0,2$ độ C)                                              |
|             | <b>*Thông số huyết áp không xâm nhập (NIBP)</b>                                                     |
|             | - Phương pháp đo: Dao động kế hoặc tương đương                                                      |
|             | - Dải đo tối đa: $\geq 300$ mmHg ( $\pm \leq 3$ mmHg)                                               |
|             | <b>*Bảo động:</b>                                                                                   |
|             | - Bảo động tối thiểu có: giới hạn trên/dưới, ngừng thở, loạn nhịp, nhiễu, không dò ra sóng, pin yếu |
|             | - Chỉ thị báo động: có đèn chỉ thị báo động                                                         |
|             | - Có chức năng tạm ngừng âm thanh báo động                                                          |
|             | - Nếu kết nối với monitor trung tâm, các báo động có thể điều chỉnh thông qua máy trung tâm.        |
|             | <b>*Máy in nhiệt:</b>                                                                               |
|             | - Kiểu in: In nhiệt lắp trong máy.                                                                  |
|             | - Số kênh in: $\geq 3$ kênh                                                                         |
|             | - Tốc độ in tối thiểu có 3 mức: 12.5, 25, 50 mm/giây                                                |
|             | <b>*Pin sạc:</b>                                                                                    |
|             | - Kiểu pin: Lithium Ion hoặc tương đương                                                            |
|             | - Thời gian hoạt động: $\geq 30$ phút                                                               |
|             | - Biểu thị trạng thái pin: hiển thị trạng thái pin trên màn hình                                    |
| <b>4</b>    | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                           |
|             | - Địa điểm giao hàng: tại cơ sở 1- Bệnh viện Bưu điện.                                              |
|             | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                            |
|             | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                      |
|             | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                     |
|             | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng.    |
|             | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.        |
|             | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                           |
|             | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                                |
| <b>VIII</b> | <b>ĐẦU DÒ SIÊU ÂM TRỰC TRÀNG HAI BÌNH DIỆN</b>                                                      |
| <b>1.</b>   | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                                |
|             | - Hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau                                                       |
|             | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                                                 |
|             | - Yêu cầu về xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7                                                        |
| <b>2.</b>   | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                             |
|             | - Đầu dò kèm dây cáp: 01 cái                                                                        |
|             | - Bộ gá chọc dò và kim sinh thiết mô mềm: 01 bộ                                                     |
| <b>3.</b>   | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                             |
|             | - Ứng dụng: Thăm khám trực tràng                                                                    |
|             | - Chế độ Convex:                                                                                    |

*Handwritten signature*

|           |                                                                                                                                      |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | + Dải tần số: từ $\leq 2.0\text{MHz}$ đến $\geq 10\text{MHz}$                                                                        |
|           | + Số chân tử: $\geq 150$ chân tử                                                                                                     |
|           | + Góc quét: $\geq 180$ độ                                                                                                            |
|           | - Chế độ tuyến tính:                                                                                                                 |
|           | + Dải tần số: từ $\leq 2.0\text{ MHz}$ đến $\geq 14\text{ MHz}$                                                                      |
|           | + Số chân tử: $\geq 190$ chân tử                                                                                                     |
|           | - Dây cáp: $\geq 250\text{ cm}$                                                                                                      |
|           | - Đầu dò siêu âm trực tràng 2 bình diện, tương thích với máy siêu âm Model: Arietta V65, hãng sản xuất: Fujifilm; xuất xứ : Nhật Bản |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                                                            |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 1, Bệnh viện Bru điện.                                                                               |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                                                             |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                                                       |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                                                      |
|           | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                                                            |
|           | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                                                                 |
| <b>IX</b> | <b>MÁY PHÂN TÍCH SỎI</b>                                                                                                             |
| <b>1.</b> | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                                                                 |
|           | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                                                                            |
|           | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001.                                                                   |
|           | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                                                                     |
|           | - Môi trường hoạt động:                                                                                                              |
|           | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 25$ độ C                                                                                                    |
|           | + Độ ẩm tối đa: $\geq 50\%$                                                                                                          |
| <b>2.</b> | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                                                              |
|           | - Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn) : 01 cái                                                                                       |
|           | <i>Tối thiểu đã bao gồm:</i>                                                                                                         |
|           | + Máy sấy sỏi: 01 cái                                                                                                                |
|           | + Bộ phần mềm đọc và phân tích kết quả: 01 bộ                                                                                        |
|           | + Máy tính: 01 bộ                                                                                                                    |
|           | + Máy in phun màu: 01 cái                                                                                                            |
|           | + Cối mã não: 01 cái                                                                                                                 |
|           | + Bộ phụ kiện kèm theo máy: 01 bộ                                                                                                    |
|           | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ                                                                            |
| <b>3.</b> | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                                                              |
|           | - Ứng dụng: Dùng để phân tích thành phần của sỏi hệ tiết niệu thông qua phương pháp phân tích quang phổ hồng ngoại.                  |
|           | - Dải quang phổ: $7800\text{ cm}^{-1} - 350\text{ cm}^{-1}$                                                                          |
|           | - Độ phân giải: $\leq 1\text{ cm}^{-1}$                                                                                              |
|           | - Nguồn sáng hồng ngoại                                                                                                              |
|           | - Có phân tích định lượng thành phần sỏi                                                                                             |
|           | <i>*Ứng dụng phần mềm:</i>                                                                                                           |
|           | - Xuất báo cáo kết quả: tên bệnh nhân, thành phần sỏi                                                                                |
|           | <i>*Bộ máy tính</i>                                                                                                                  |
|           | - CPU: loại Core i5 hoặc tương đương trở lên                                                                                         |
|           | - RAM: $\geq 32\text{GB}$                                                                                                            |
|           | - Ổ cứng: $\geq 500\text{ GB}$ , SSD                                                                                                 |
|           | - Bàn phím, chuột quang                                                                                                              |

*M*

|           |                                                                                                                                                          |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | - Màn hình máy tính LCD, kích thước $\geq 21$ inch                                                                                                       |
|           | * <i>Máy in phun màu</i>                                                                                                                                 |
|           | - Khổ giấy tối đa: A4                                                                                                                                    |
|           | - Tốc độ in: $\geq 16$ trang/phút                                                                                                                        |
|           | - Cổng giao tiếp tối thiểu: USB                                                                                                                          |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                                                                                |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 2, Bệnh viện Bưu điện.                                                                                                   |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                                                                                 |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                                                                           |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                                                                          |
|           | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng.                                                         |
|           | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.                                                             |
|           | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                                                                                |
|           | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                                                                                     |
| <b>X</b>  | <b>BÀN MÔ ĐA NĂNG</b>                                                                                                                                    |
| <b>1.</b> | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                                                                                     |
|           | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                                                                                                |
|           | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                                                                                                      |
|           | - Hàng hóa có chứng nhận CE hoặc FDA                                                                                                                     |
|           | - Xuất xứ (Thân bàn): Các nước thuộc EU hoặc G7                                                                                                          |
|           | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                                                                                         |
|           | - Môi trường hoạt động:                                                                                                                                  |
|           | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30$ độ C                                                                                                                        |
|           | + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$                                                                                                                              |
| <b>2.</b> | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                                                                                  |
|           | - Thân bàn chính kèm đệm (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 cái                                                                                               |
|           | <i>Tối thiểu đã bao gồm:</i>                                                                                                                             |
|           | + Khung màn chắn gây mê: 01 cái                                                                                                                          |
|           | + Phần đỡ tay kèm đệm: 02 cái                                                                                                                            |
|           | + Phần đỡ thân kèm đệm: 01 cái                                                                                                                           |
|           | + Phần đỡ chân kèm đệm tư thế sản khoa: 02 cái                                                                                                           |
|           | + Đỡ nằm nghiêng: 02 cái                                                                                                                                 |
|           | + Dây đai định vị bệnh nhân: 01 cái                                                                                                                      |
|           | + Điều khiển cầm tay: 01 cái                                                                                                                             |
|           | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ                                                                                                |
| <b>3.</b> | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                                                                                  |
|           | - Ứng dụng cho phẫu thuật tổng quát có bao gồm (phẫu thuật: Tim mạch, Phụ khoa, Ngoại tổng quát, Thần kinh, Tiết niệu)                                   |
|           | - Là loại bàn mô di động đa năng điều khiển bằng điện – thủy lực tối thiểu phải điều chỉnh được chiều cao, dốc ngược/xuôi, nghiêng trái/phải, trượt dọc. |
|           | - Bàn mô tối thiểu có điều khiển các chức năng bằng điều khiển cầm tay và điều khiển được bằng điều khiển trên thân (trụ) bàn.                           |
|           | - Bàn mô có bánh xe di chuyển, có chức năng khóa bánh xe.                                                                                                |
|           | - Bàn mô chịu được tải trọng bệnh nhân tối đa: $\geq 250$ Kg                                                                                             |
|           | - Chiều dài tổng thể: 215 cm ( $\pm 10$ cm)                                                                                                              |
|           | - Chiều rộng mặt bàn: 55 cm ( $\pm 5$ cm)                                                                                                                |

*Handwritten signature*

|           |                                                                                                                                                                    |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | - Khoảng điều chỉnh độ cao: Từ $\leq 70$ cm đến $\geq 100$ cm                                                                                                      |
|           | - Điều chỉnh góc nghiêng trái/phải: $\geq 20$ độ / $\leq -20$ độ                                                                                                   |
|           | - Điều chỉnh phần đỡ đầu lên/xuống $\geq 30$ độ / $\leq -40$ độ                                                                                                    |
|           | - Điều chỉnh phần đỡ chân: nâng lên $\geq 10$ độ và hạ xuống $\leq -80$ độ                                                                                         |
|           | - Điều chỉnh phần đỡ lưng lên/xuống: $\geq 70$ độ / $\leq -30$ độ                                                                                                  |
|           | - Dốc ngược lớn nhất: $\geq 30$ độ, dốc xuôi lớn nhất: $\geq 30$ độ                                                                                                |
|           | - Mặt bàn có khả năng trượt dọc: $\geq 30$ cm                                                                                                                      |
|           | - Mặt bàn có được làm bằng vật liệu thấu xạ                                                                                                                        |
|           | - Tiêu chuẩn chống nước tối thiểu: IPX4                                                                                                                            |
|           | * Bộ phụ kiện hỗ trợ tư thế nằm nghiêng:                                                                                                                           |
|           | - Giá đỡ nằm nghiêng có bộ phận cố định vào bàn mô                                                                                                                 |
|           | * Bộ phụ kiện tư thế sản khoa, tiết niệu                                                                                                                           |
|           | - Có giá đỡ chân sản khoa, tiết niệu: $\geq 02$ bộ                                                                                                                 |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                                                                                          |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 1, Bệnh viện Bưu điện.                                                                                                             |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                                                                                           |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                                                                                     |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                                                                                    |
|           | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng.                                                                   |
|           | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo. Bỏ do chính nó là vật tư, linh kiện, hãng sẽ k sửa chữa mà thay cả bộ |
|           | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                                                                                          |
|           | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                                                                                               |
| <b>XI</b> | <b>MÁY ĐO NHẤN ÁP KHÔNG TIẾP XÚC</b>                                                                                                                               |
| <b>1.</b> | <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                                                                                               |
|           | - Hàng mới 100%, sản xuất 2025 trở về sau                                                                                                                          |
|           | - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485                                                                                                                |
|           | - Yêu cầu về xuất xứ (Máy chính): Các nước thuộc EU hoặc G7                                                                                                        |
|           | - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz                                                                                                                                   |
|           | - Môi trường hoạt động:                                                                                                                                            |
|           | + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30$ độ C                                                                                                                                  |
|           | + Độ ẩm tối đa: $\geq 70$ %                                                                                                                                        |
| <b>2.</b> | <b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>                                                                                                                                            |
|           | - Máy chính (kèm phụ kiện tiêu chuẩn): 01 Cái                                                                                                                      |
|           | <i>Tối thiểu bao gồm:</i>                                                                                                                                          |
|           | - Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái                                                                                                                                    |
|           | - Bao phủ chống bụi: 01 cái                                                                                                                                        |
|           | - Bàn đặt máy điều chỉnh điện: 01 cái                                                                                                                              |
|           | - Giấy tờ cầm: 05 tập                                                                                                                                              |
|           | - Giấy in: 03 cuộn                                                                                                                                                 |
|           | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ                                                                                                          |
| <b>3.</b> | <b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>                                                                                                                                            |
|           | - Máy sử dụng để thực hiện chức năng đo nhãn áp không tiếp xúc bằng phương pháp thổi khí hoặc tương đương.                                                         |
|           | - Có chức năng căn chỉnh tự động                                                                                                                                   |
|           | - Có chức năng chụp tự động                                                                                                                                        |
|           | - Có chức năng cảnh báo đảm bảo an toàn cho mắt bệnh nhân khi đo                                                                                                   |

*m*

|           |                                                                                                  |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | - Dải đo độ dày giác mạc trong khoảng: từ $\leq 350 \mu\text{m}$ đến $\geq 750 \mu\text{m}$      |
|           | - Màn hình cảm ứng, kích thước: $\geq 5,5$ inches                                                |
|           | - Dải đo nhãn áp trong khoảng: từ $\leq 1 \text{ mmHg}$ đến $\geq 60 \text{ mmHg}$ .             |
|           | - Khả năng di chuyển máy bằng cần điều khiển:                                                    |
|           | + Chiều thẳng đứng lên và xuống: $\geq 32 \text{ mm}$                                            |
|           | + Di chuyển ra trước và ra sau: $\geq 40 \text{ mm}$                                             |
|           | + Di chuyển qua phải và qua trái: $\geq 80 \text{ mm}$ .                                         |
|           | - Nâng tựa cần điều khiển theo chiều dọc: $\geq 65 \text{ mm}$                                   |
|           | - Cổng kết nối tối thiểu: LAN/WiFi                                                               |
| <b>4.</b> | <b>CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC</b>                                                                        |
|           | - Địa điểm giao hàng: tại Cơ sở 2, Bệnh viện Bru điện.                                           |
|           | - Bảo hành tối thiểu: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng.                         |
|           | - Thời gian giao hàng: $\leq 150$ ngày kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực                   |
|           | - Đào tạo, hướng dẫn thành thạo cho người dùng tại nơi sử dụng.                                  |
|           | - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian $\geq 5$ năm sau bán hàng. |
|           | - Có bảng báo giá chi tiết các phụ kiện, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao (nếu có) kèm theo.     |
|           | - Có bảng báo giá chi phí bảo trì sau thời gian bảo hành.                                        |
|           | - Có cam kết cung cấp dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.                                             |

*m*

**PHỤ LỤC 02**  
**MẪU BÁO GIÁ**

(Kèm theo công văn số: 2528 /BVBD-KD&ĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Bưu điện)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bưu điện tại Công văn số ..... ngày ....., chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

| STT | Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>   | Tên thiết bị theo cách gọi của đơn vị báo giá <sup>(3)</sup> | Đơn vị tính <sup>(4)</sup> | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(5)</sup> | Mã HS <sup>(6)</sup> | Năm sản xuất <sup>(7)</sup> | Xuất xứ <sup>(8)</sup> | Số lượng/ khối lượng <sup>(9)</sup> | Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(11)</sup> (VND) | Thành tiền <sup>(12)</sup> (VND) |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Bình chứa Nitor trữ mẫu                 |                                                              | Cái                        |                                                        |                      |                             |                        | 01                                  |                                                                  |                                                  |                                  |
| 2   | Máy cắt tiêu bản lạnh                   |                                                              | Hệ thống                   |                                                        |                      |                             |                        | 01                                  |                                                                  |                                                  |                                  |
| 3   | Bàn sấy tiêu bản                        |                                                              | Cái                        |                                                        |                      |                             |                        | 01                                  |                                                                  |                                                  |                                  |
| 4   | Dao mổ siêu âm                          |                                                              | Hệ thống                   |                                                        |                      |                             |                        | 02                                  |                                                                  |                                                  |                                  |
| 5   | Máy laser CO2                           |                                                              | Cái                        |                                                        |                      |                             |                        | 01                                  |                                                                  |                                                  |                                  |
| 6   | Giường bệnh Hồi sức cấp cứu             |                                                              | Cái                        |                                                        |                      |                             |                        | 09                                  |                                                                  |                                                  |                                  |
| 7   | Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số   |                                                              | Cái                        |                                                        |                      |                             |                        | 02                                  |                                                                  |                                                  |                                  |
| 8   | Đầu dò siêu âm trực tràng hai bình diện |                                                              | Cái                        |                                                        |                      |                             |                        | 01                                  |                                                                  |                                                  |                                  |
| 9   | Máy phân tích sỏi                       |                                                              | Hệ thống                   |                                                        |                      |                             |                        | 01                                  |                                                                  |                                                  |                                  |

*m*

|    |                               |  |     |  |  |  |  |    |  |  |  |
|----|-------------------------------|--|-----|--|--|--|--|----|--|--|--|
| 10 | Bàn mổ đa năng                |  | Cái |  |  |  |  | 01 |  |  |  |
| 11 | Máy đo nhãn áp không tiếp xúc |  | Cái |  |  |  |  | 01 |  |  |  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: tạm ứng tối đa 30% giá trị sau khi ký hợp đồng và thanh toán theo từng giai đoạn thực hiện hợp đồng.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(13)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo cách gọi của đơn vị báo giá/ theo công bố của nhà sản xuất.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính của hàng hóa theo đúng yêu cầu trong Yêu cầu báo giá.
- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (7), (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) tương ứng với từng thiết bị.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị.
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.  
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (13) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.